

Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà văn hóa, danh sĩ, chí sĩ cận đại của Việt Nam, hiệu Trạch Phủ, con cụ Nguyễn Đình Huy và bà Trương Thị Thiệt, sinh ngày 1 tháng 7 năm 1822 tại làng Tân Khánh, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay) và mất ngày 3 tháng 7 năm 1888 tại Ba Tri, Bến Tre.

Năm Quý Mão 1843 ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định lúc 21 tuổi. Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu sớm trải qua những chuỗi ngày gia biến và quốc biến hãi hùng đã tác động đến nhận thức của ông. Ngay từ nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu đã theo cha chạy giặc.

Năm 1833, Nguyễn Đình Huy (cụ thân sinh của Nguyễn Đình Chiểu) gửi Nguyễn Đình Chiểu cho một người bạn ở Huế để ăn học. Năm 1843 ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định, năm 1847 ông ra Huế học để chờ thi khoa Kỷ Dậu 1849. Nhưng sau đó, mẹ ông mất, ông trở về chịu tang mẹ, dọc đường vất vả lại thương mẹ khóc nhiều nên ông bị bệnh rồi mù cả đôi mắt. Về quê, chịu tang mẹ xong, ông lại bị một gia đình giàu có bội ước. Từ ấy ông vừa dạy học vừa làm thơ sống giữa tình thương của mọi người. Về sau có người học trò cảm nghĩa thầy đã gả em gái. Nhân dân thường gọi ông là Đồ Chiểu hay Tú Chiểu.

Khi Pháp xâm chiếm Gia Định, ông về ở Ba Tri, tỉnh Bến Tre, tiếp tục dạy học và làm thuốc. Vốn nhiệt tình yêu nước, ông liên hệ mật thiết với các nhóm nghĩa binh của Đốc binh Nguyễn Văn Là, lãnh binh Trương Định. Ông tích cực dùng văn chương kích động lòng yêu nước của sĩ phu và nhân dân. Biết ông là người có uy tín lớn, Pháp nhiều lần mua chuộc nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết, không chịu khuất phục.

Năm Mậu Tý 1888 ngày 24-5 Âm lịch ông mất, thọ 66 tuổi. Cả nước đều thương tiếc kính trọng ông.

Ông để lại nhiều thơ văn yêu nước và ba tác phẩm chính:

1. Lục Vân Tiên
2. Dương Từ Hà Mậu
3. Ngư Tiều y thuật vấn đáp
4. Một số văn tế, thơ Nôm điệu nghĩa dân, nghĩa sĩ.

Người Việt Nam đánh giá ông không những là một nhà thơ lớn mà còn là một nhà yêu nước, một nhà văn hóa Việt Nam của thế kỉ 19.

Nguyễn Đình Chiểu tuy không nghị luận về văn chương nhưng ông có quan điểm văn chương riêng. Quan điểm "văn dĩ tải đạo" của ông khác với quan niệm của nhà Nho, càng khác với quan niệm chính thống lúc bấy giờ. Nhà Nho quan niệm Đạo là đạo của trời, còn Đồ Chiểu trên nguyên tắc đạo trời được đề cao nhưng trong thực tế đạo làm người đáng quý hơn nhiều. Đó là quan niệm bao trùm văn chương Đồ Chiểu.

Quan điểm văn chương Đồ Chiểu tuy không được tuyên ngôn nhưng đây là quan điểm tiến bộ và gần gũi với văn chương dân tộc: Văn chương chiến đấu, vị nhân sinh, đầy tinh thần tiến công và tinh thần nhân ái.

Nguyễn Đình Thi (1924 - 2003)

Nguyễn Đình Thi (1924 - 2003), nhà văn Việt Nam. Nguyên quán: làng Vũ Thạch, Hà Nội. Sinh ở Luông Prabăng (Luang Prabang, Lào); khoảng năm 1930, theo gia đình về nước. Tham gia phong trào Việt Minh khi còn là sinh viên (1941), tham gia Hội Văn hoá Cứu quốc (1943), hai lần bị thực dân Pháp bắt giam (1942, 1944). Năm 1945, là thành viên Ủy ban Giải phóng Dân tộc Việt Nam; sau Cách mạng tháng Tám, làm tổng thư kí Hội Văn hoá Cứu quốc,

đại biểu Quốc hội; thời kì Kháng chiến chống Pháp, tham gia lãnh đạo Hội Văn nghệ Việt Nam; những năm 1954 - 1989, là tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam. Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam. Tác giả hai bài hát “Diệt phát xít” và “Người Hà Nội”. Nguyễn Đình Thi có nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực: văn học, tiểu thuyết, thơ, kịch, lí luận phê bình. Về tiểu thuyết, đáng chú ý là các tập “Xung kích” (1951), “Vào lửa” (1966), “Mặt trận trên cao” (1967) và bộ tiểu thuyết dài “Vỡ bờ” (x. “Vỡ bờ”). Về kịch, có “Con nai đen”, “Hoa và Ngàn”, “Rừng trúc”, “Nguyễn Trãi ở Đông Quan”. Nguyễn Đình Thi mượn tích cổ để gửi gắm những vấn đề của hiện tại. Những vấn đề ông đề xuất và những xung đột ông khai thác thường xoay quanh nhiều tình tiết phức tạp, không đơn giản một chiều. Về lí luận phê bình, có hai tác phẩm “Mấy vấn đề văn học” (1956), “Công việc của người viết tiểu thuyết” (1964), trong đó ông kết hợp vốn hiểu biết văn hoá rộng và kinh nghiệm của người sáng tác với những khái quát lí luận. Nhiều bài tiểu luận có giá trị lí luận và vận dụng thực tiễn. Về thơ, cũng có những đóng góp quan trọng. Các tập “Người chiến sĩ” (1958), “Bài thơ Hắc Hải” (1958), “Dòng sông trong xanh” (1974) và tuyển thơ “Tia nắng” đã xác định vị trí cao của Nguyễn Đình Thi trong nền thơ Việt Nam hiện đại. Thơ ông gần với lời nói và mạch cảm nghĩ tự nhiên. Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996) về cụm tác phẩm “Xung kích”, “Vào lửa”, “Mặt trận trên cao”, “Vỡ bờ”, “Hoa và Ngàn”.

